

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN  
THỊ XÃ TÂN UYÊN  
TỈNH BÌNH DƯƠNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 06/HNGĐ-ST  
Ngày: 11/3/2022  
Về việc ly hôn, tranh chấp về  
nuôi con

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TOÀ ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ TÂN UYÊN, TỈNH BÌNH DƯƠNG**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Phạm Thị Hương Diệp.

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1/ Ông Huỳnh Sơn Tây;

2/ Ông Nguyễn Thanh Cần.

**- Thư ký phiên tòa:** Ông Nguyễn Trọng Nam, Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Tân Uyên, tỉnh Bình Dương.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Tân Uyên, tỉnh Bình Dương tham gia phiên tòa:** Bà Bô Thị Hồng, Kiểm sát viên.

Ngày 11 tháng 3 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Tân Uyên, tỉnh Bình Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 01/2022/TLST-HNGĐ ngày 04 tháng 01 năm 2022, về việc: Ly hôn, tranh chấp về nuôi con, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 08/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 23 tháng 02 năm 2022, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Huỳnh Thị Kim N, sinh năm 1990; thường trú: tổ 4, khu phố 7, phường U, thị xã T, tỉnh BD; có mặt.

- *Bị đơn:* Ông Trần Văn P, sinh năm 1984; thường trú: tổ 4, khu phố 7, phường U, thị xã T, tỉnh BD; có mặt.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Theo đơn khởi kiện đề ngày 20/12/2021 và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn bà Huỳnh Thị Kim N trình bày:*

Bà N và ông P chung sống với nhau vào năm 2009, có tổ chức lễ cưới và đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường Uyên Hưng, thị xã Tân Uyên vào ngày 04/12/2009. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hạnh phúc. Bà N làm công ty, thu nhập khoảng 13.000.000 đồng/tháng. Đến tháng 08/2021, do tình hình dịch bệnh Covid 19 nên bà N chuyển vào làm việc tại công ty theo mô hình 03 tại chỗ (sản xuất, cách ly, ăn nghỉ tại chỗ). Sau khi bà N vào công ty làm việc, ông P nhiều lần điện thoại yêu cầu bà N trở về nhà, bà N không đồng ý thì ông P có lời lẽ xúc

phạm bà N. Bà N điện thoại về gặp con, ông P không cho gặp. Đến ngày 04/10/2021, sau khi hết thời gian làm việc 03 tại chỗ tại công ty, bà N trở về nhà cha mẹ ruột của bà N tại xã Tân Mỹ, huyện Bắc Tân Uyên, tỉnh Bình Dương sinh sống. Sau đó, bà N mới trở về chung sống với ông P nhưng lại xảy ra mâu thuẫn nên bà N về nhà cha mẹ ruột sinh sống đến nay. Trong thời gian ly thân, vợ chồng không còn quan tâm, chăm sóc nhau nên bà N khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết cho ly hôn với ông P.

Về con chung: bà N và ông P có 02 con chung tên Trần Huỳnh P Trâm, sinh ngày 30/5/2016 và con chung tên Trần Huỳnh Thanh Phong, sinh ngày 02/5/2011. Theo đơn khởi kiện bà N yêu cầu được nuôi con chung tên Trần Huỳnh P Trâm, sinh ngày 30/5/2016; giao con chung tên Trần Huỳnh Thanh Phong, sinh ngày 02/5/2011 cho ông Trần Văn P nuôi dưỡng, không ai phải cấp dưỡng nuôi con. Tại phiên tòa, bà N yêu cầu giao 02 con chung cho ông P nuôi dưỡng, bà N không cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và nợ chung: không yêu cầu Tòa án giải quyết.

*Bị đơn ông Trần Văn P trình bày:*

Ông P thống nhất với bà N về thời gian kết hôn, thời gian sống ly thân. Sau khi kết hôn, ông P và bà N chung sống hạnh phúc, vợ chồng quan tâm, chăm sóc lẫn nhau. Ông P làm cạo mủ cao su của gia đình, thu nhập trung bình khoảng 13.000.000 đồng/tháng. Đến tháng 08/2021 khi bà N vào làm việc theo mô hình 03 tại chỗ tại công ty thì vợ chồng vẫn không có mâu thuẫn gì xảy ra. Ông P vẫn điện thoại vào công ty để hỏi thăm, sức khỏe của bà N. Sau khi bà N làm tại công ty được một thời gian thì bà N ít điện thoại về cho ông P, không cho ông P gặp bà N. Bà N bị bệnh Covid 19 nhưng không cho ông P biết. Do ông P lo lắng cho sức khỏe của bà N nên ông P đã điện thoại cho mẹ ruột của bà N để hỏi thăm sức khỏe bà N và nhờ khuyên bảo bà N để vợ chồng cùng chăm sóc cho con. Sau khi hết thời gian làm 03 tại chỗ, bà N trở về nhà cha, mẹ ruột sinh sống; ông P và 02 người con vẫn sinh sống tại gia đình ông P. Bà N chỉ về nhà thăm con được mấy ngày thì lại về nhà cha mẹ ruột sinh sống. Ông P và bà N vẫn chung sống hạnh phúc cho đến khi bà N vào làm tại công ty thì thay đổi tình tính và nộp đơn ly hôn với ông P. Ông P vẫn còn tình cảm với bà N nên không đồng ý ly hôn.

Về con chung: ông P thống nhất với bà N về việc vợ chồng có 02 con chung, hiện các con đang sống với ông P. Trường hợp nếu Tòa án giải quyết ly hôn, ông P đồng ý nuôi 02 con chung, không yêu cầu bà N phải cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung: không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu quan điểm tại phiên tòa sơ thẩm như sau:

Về tố tụng: Quá trình tiến hành tố tụng, những người tiến hành tố tụng đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự; những người tham gia tố tụng đã chấp hành đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung: Yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ nên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận.

## NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về hôn nhân: bà P và ông N tự nguyện chung sống với nhau vào năm 2009, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường Uyên Hưng, thị xã Tân Uyên, theo Giấy chứng nhận kết hôn số 119/2009 ngày 04/12/2009, là hôn N hợp pháp.

[2] Về mâu thuẫn vợ chồng: nguyên đơn bà N cho rằng trong thời gian sống chung giữa bà N và ông P phát sinh nhiều mâu thuẫn, nguyên N do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, tính tình không hợp, ông P có nhiều lời lẽ xúc phạm bà N. Bị đơn ông P cho rằng cuộc sống vợ chồng vẫn hạnh phúc, không xảy ra mâu thuẫn. Bà N nộp đơn ly hôn là do sau thời gian bà N làm việc tại công ty theo mô hình 03 tại chỗ thì bà N ít điện thoại về cho ông P, không cho ông P gặp bà N và bà N trở về nhà cha mẹ ruột sinh sống đến nay. Tuy bà N và ông P không thống nhất về nguyên N xảy ra mâu thuẫn vợ chồng nhưng đều thừa nhận vợ chồng đã sống ly thân. Quá trình Tòa án giải quyết vụ án và tại phiên tòa bà N kiên quyết ly hôn. Bị đơn ông P không đồng ý ly hôn nhưng không có biện pháp giải quyết mâu thuẫn vợ chồng. Xét thấy, mâu thuẫn vợ chồng giữa bà N và ông P là thật sự trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn N không đạt được. Căn cứ Điều 56 của Luật Hôn N và gia đình, Hội đồng xét xử có căn cứ chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà N.

[3] Về con chung: bà N và ông P đều thống nhất vợ chồng có 02 con chung tên Trần Huỳnh Phương T, sinh ngày 30/5/2016 và Trần Huỳnh Thanh P, sinh ngày 02/5/2011. Bà N yêu cầu giao 02 con chung cho ông P nuôi dưỡng, bà N không cấp dưỡng nuôi con. Xét thấy, hai cháu hiện nay đang sống với ông P, ông P có nguyện vọng được nuôi 02 con chung nên Hội đồng xét xử giao 02 con chung cho ông P nuôi dưỡng. Ghi nhận sự tự nguyện của ông P không yêu cầu bà N phải cấp dưỡng nuôi con.

[4] Về tài sản chung, nợ chung: các đương sự không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không đặt ra giải quyết.

[5] Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát đề nghị chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ chấp nhận.

[6] Về án phí: nguyên đơn phải chịu án phí hôn N và gia đình.

*Vì các lẽ trên,*

## QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ:

- Các Điều 28, 35, 39, 147, 266, 271 và 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;
- Các Điều 56, 81, 82, 83, 84 và 85 của Luật Hôn nhân và Gia đình;
- Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án;

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Huỳnh Thị Kim N như sau:

Về hôn nhân: bà Huỳnh Thị Kim N được ly hôn với ông Trần Văn P.

- Về nuôi con chung: giao 02 con chung tên Trần Huỳnh Phương Tr, sinh ngày 30/5/2016 và Trần Huỳnh Thanh Ph, sinh ngày 02/5/2011 cho ông Trần Văn P nuôi dưỡng. Bà Huỳnh Thị Kim N không phải cấp dưỡng nuôi con.

Hai bên đều có quyền và nghĩa vụ trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con theo quy định của pháp luật. Vì lợi ích của con chưa thành niên, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con và mức cấp dưỡng nuôi con khi có đơn yêu cầu. Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Nếu người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người được trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

- Về tài sản chung và nợ chung: không đặt ra giải quyết.

3. Về án phí: bà Huỳnh Thị Kim N phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm, được khấu trừ 300.000 đồng án phí đã nộp theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0005668 ngày 31/12/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Tân Uyên, tỉnh Bình Dương.

Các đương sự được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án.

**Nơi nhận:**

- Các đương sự ;
- TAND tỉnh Bình Dương;
- VKSND tỉnh Bình Dương;
- VKSND thị xã Tân Uyên;
- Chi cục THA dân sự thị xã Tân Uyên;
- Lưu: HS, VT.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN-CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

**Phạm Thị Hương Diệp**

Các đương sự được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án.

**THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ    THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Phạm Thị Hương Diệp**

